

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2017

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Mộng Thu;  
2. Ông Đào Văn Nô.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh S chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25, Quyển số 01/2011 ngày 18/7/2011. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng về quan điểm sống, không cảm thông, chia sẻ, yêu thương nhau. Ông S thường xuyên say rượu và có hành vi đánh đập bà A. Bà A cũng đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình cũng khuyên giải nhiều lần nhưng bà A và ông S vẫn không hòa hợp được. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay bà A đã đưa con

chung về nhà mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Thu A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 08/10/2010. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị Thu A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y. Bà Nguyễn Thị Thu A yêu cầu ông Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thu A tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thu A vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu khởi kiện về vấn đề hôn nhân, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì bà A yêu cầu ông Nguyễn Thanh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và vay nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 7 năm 2017 ông Nguyễn Thanh S trình bày:***

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thanh S thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu A về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo ông S là do bất đồng quan điểm trong vấn đề học hành của con. Vào tháng 4 năm 2017, ông S có hỏi bà A về việc học tập của con nhưng bà A có thái độ không tôn trọng ông S, bà A nói ngang và lớn tiếng chửi ông S. Do trong lúc đó ông S đã uống rượu nên có nóng tính và đánh bà A một cái. Sau khi sự việc xảy ra thì bà A đã đưa con về nhà mẹ ruột của bà A sinh sống. Vợ chồng cũng ly thân từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Ông S đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà A không đồng ý. Ông Nguyễn Thanh S không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu A vì ông S vẫn còn thương vợ con.

+ *Về con chung*: Ông S thống nhất vợ chồng có 01 con chung như bà A trình bày. Ông S không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì ông S đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y cho bà Nguyễn Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung thì ông S chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Nguyễn Thanh S tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên ông S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

+ Về con chung: Do bà Nguyễn Thị Thu A hiện đang nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa bà A chỉ yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông S cũng đồng ý mức cấp dưỡng này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A. Buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã Tân Uyên và nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thanh S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh S là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25, Quyền số 01/2011 ngày 18/7/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng về quan điểm sống, không cảm thông, chia sẻ, yêu thương nhau. Ông S thường xuyên say rượu và có hành vi đánh đập bà A.

Tại các văn bản trình bày ý kiến, bị đơn ông Nguyễn Thanh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, khi uống rượu ông S có đánh bà A, từ tháng 4 năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại ông không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “ *Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh S không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 08/10/2010. Hiện nay con đang sống với bà A. Nguyên vọng của cháu Y là muốn được sống chung với mẹ. Ông S cũng đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y cho bà Nguyễn Thị Thu A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy ý kiến của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà A yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, ông S cũng đồng ý mức cấp dưỡng này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A. Buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bắt đầu từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông Nguyễn Thanh S phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 92 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điểm a Khoản 5 và Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu A về việc: Tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh S.

2. Bà Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh S.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 08/10/2010 cho bà Nguyễn Thị Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh S phải cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Hoàng Hải Y, sinh ngày 08/10/2010 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh S đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí:

6.1 Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu A phải nộp số tiền 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013497 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, bà Nguyễn Thị Thu A không phải nộp thêm.

6.2 Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Thanh S phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo:

7.1. Bà Nguyễn Thị Thu A có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7.2. Ông Nguyễn Thanh S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên (01);
- THADS thị xã Tân Uyên (01);
- UBND phường TP, thị xã TU, tỉnh Bình Dương (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Hiền**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**